

Bản tin Phân tích kỹ thuật

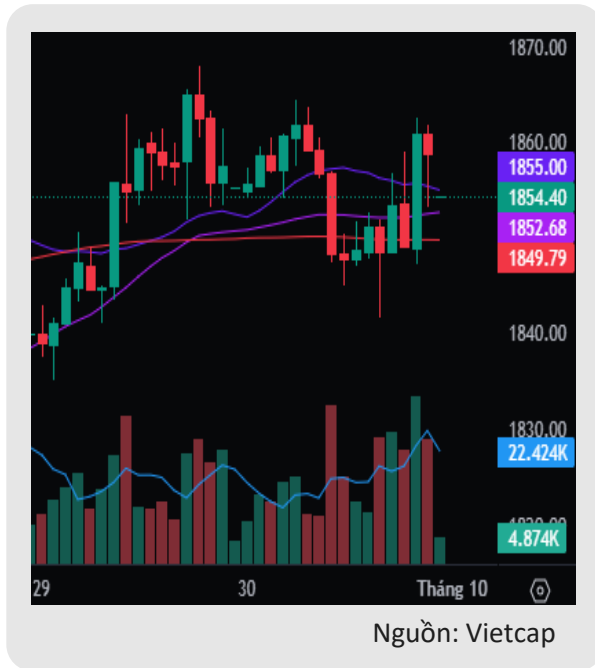
30/09/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111FA000 giảm co mạnh trong phiên 30/09 nhưng tín hiệu tăng giá vẫn hiện hữu bởi dao động trên đường MA10, MA20 và MA50. (M15)
- Vị thế mua được ưu tiên quanh vùng 1.850 điểm với kỳ vọng kiểm định lại vùng giá cao 1.865. Dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.844 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (L): 1.850 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.865 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.844 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tích cực
VN30	Trung tính	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Tích cực
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Tích cực

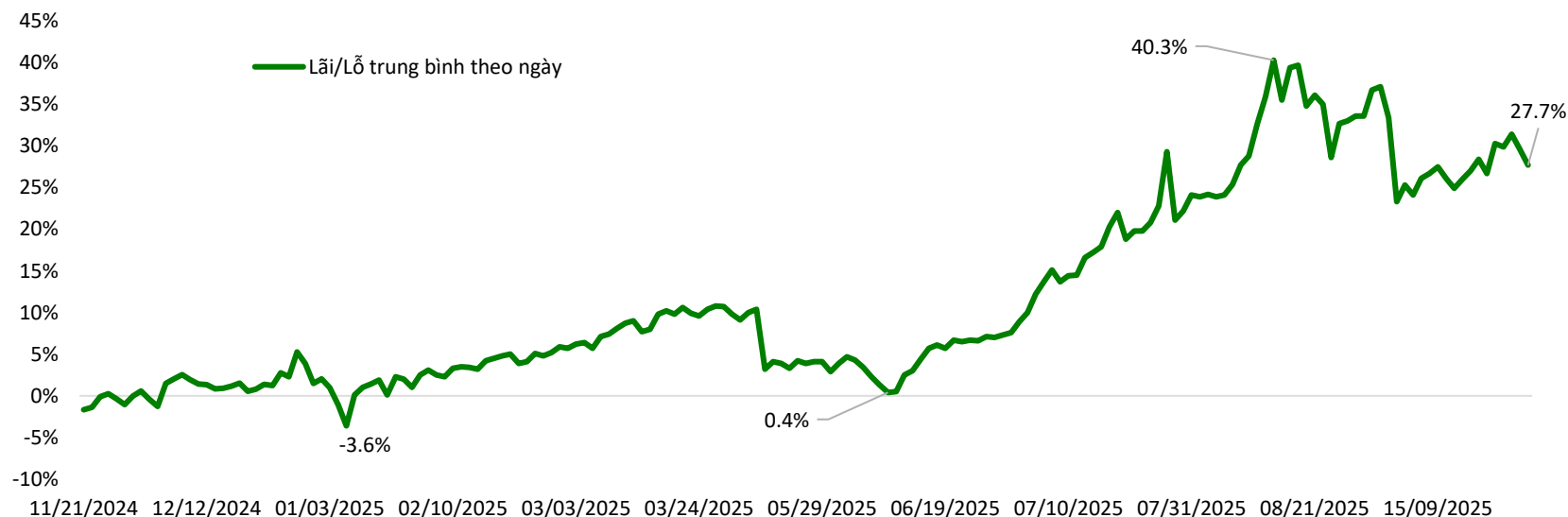


Nguồn: Vietcap

- Mặc dù phần lớn áp lực điều chỉnh trong phiên được thu hẹp nhưng chỉ số VN-Index đóng cửa giảm điểm cho thấy hoạt động bán vẫn lấn át về cuối ngày. Phân khúc vốn hóa bé (VNSmallcap) đánh mất cấu trúc tăng giá trung hạn trên diện rộng nên tín hiệu chỉ số này giảm về mức Trung tính trong trung hạn. VN-Index và chỉ số VN30 giữ tín hiệu Trung tính trong ngắn hạn.
- Nhóm Bảo hiểm có tín hiệu kỹ thuật cải thiện trên nhiều cổ phiếu thành phần, tiếp đến là nhóm Chứng khoán, tất cả các nhóm ngành còn lại điều chuyển biến xấu về tín hiệu ngắn hạn trong phiên 30/09. Tuy nhiên, cổ phiếu Ngân hàng dù điều chỉnh ở nhiều mã trong thời gian vừa qua nhưng tất cả đều giữ được dao động trên hỗ trợ trung hạn, không có sự vi phạm. Về hoạt động giao dịch, lực mua gia tăng đồng đều ở ngành Bảo hiểm, Bán lẻ và Chứng khoán.
- Đà tăng bị cản trở bởi hoạt động bán quanh vùng 1.675 điểm nhưng đà điều chỉnh trong ngày được thu hẹp nhờ lực cầu giá thấp tại vùng 1.655-1.660 điểm. Trong ngày mai, chỉ số VN-Index sẽ có diễn biến tương tự phiên 30/09, dao động trong biên độ 1.655-1.675 điểm nhằm tiếp tục thăm dò mức độ mạnh/yếu của hai bên cung cầu.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CEO	09/07/2025		Đang mở	25,500	17,930	42.2%	23,000	31,000	24,000	31,000
HDG	08/08/2025		Đang mở	32,300	27,500	17.5%	25,800	33,000	30,000	37,000
HPG	25/09/2025		Đang mở	28,150	29,050	-3.1%	27,600			



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	174,900	1.22%	17.23%	673,892	3.573	3,487	4.7	50.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	49,500	3.56%	6.34%	147,870	2.294	3,324	3.6	14.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	32,100	7.00%	13.43%	72,941	2.227	1,937	1.7	16.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VCB	62,000	-0.96%	-0.32%	518,052	-2.166	4,148	2.4	15.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	103,000	1.08%	4.36%	423,063	1.992	6,984	2.0	14.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
FPT	93,000	-2.62%	-5.10%	158,426	-1.809	5,092	4.8	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	28,150	-1.57%	-1.75%	216,064	-1.483	1,750	1.8	16.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	127,000	6.99%	16.94%	46,482	1.418	5,389	6.8	23.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GAS	60,400	-1.79%	-1.95%	145,742	-1.137	5,002	2.2	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,700	-1.95%	-1.42%	110,800	-0.941	1,331	2.0	20.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	38,550	2.66%	0.33%	80,027	0.930	1,570	2.8	24.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	26,200	-2.60%	-2.60%	81,233	-0.922	-16	1.4	-1,628.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
BID	40,000	-0.74%	-2.08%	280,854	-0.912	3,683	1.8	10.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	81,000	-0.98%	-1.10%	117,119	-0.500	1,861	3.6	43.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	20,700	-5.26%	-9.80%	21,091	-0.484	350	1.7	59.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MBS	34,200	4.27%	10.48%	22,528	0.656	1,503	3.1	22.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KSV	156,000	-2.99%	7.88%	31,200	-0.635	7,830	7.8	19.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HUT	17,500	-3.31%	-4.37%	18,695	-0.423	176	2.2	99.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	32,800	-2.67%	-2.96%	15,677	-0.285	2,644	1.1	12.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	13,500	-2.88%	-3.57%	13,543	-0.266	1,158	1.1	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	25,500	-2.67%	2.41%	14,469	-0.264	354	2.4	71.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	25,700	1.58%	4.90%	22,988	0.248	1,148	2.1	22.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VIF	15,300	-6.13%	-7.83%	5,355	-0.224	746	1.1	20.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	73,000	-1.75%	4.43%	17,100	-0.204	4,086	2.0	17.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	38,500	-2.04%	-4.47%	14,611	-0.203	3,977	2.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	55,900	-2.78%	-3.29%	201,309	-0.190	2,751	3.2	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSH	89,600	14.58%	-15.07%	33,159	0.164	633	5.8	139.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,000	-1.88%	-3.27%	208,078	-0.132	1,913	5.6	35.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	192,000	12.94%	12.94%	11,866	0.052	7,038	3.7	27.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	129,200	-0.92%	0.94%	136,130	-0.043	9,006	8.1	14.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCR	41,700	9.16%	-5.01%	8,757	0.027	-103	5.6	-405.5	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
MSR	23,300	-2.51%	8.88%	25,472	-0.022	-707	2.1	-32.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	32,000	4.92%	-2.14%	12,722	0.021	577	3.0	55.4	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PAP	24,100	-7.31%	-6.23%	5,730	-0.014	-1,137	2.6	-21.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SJG	19,000	-3.55%	-4.04%	8,798	-0.011	1,818	1.3	10.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

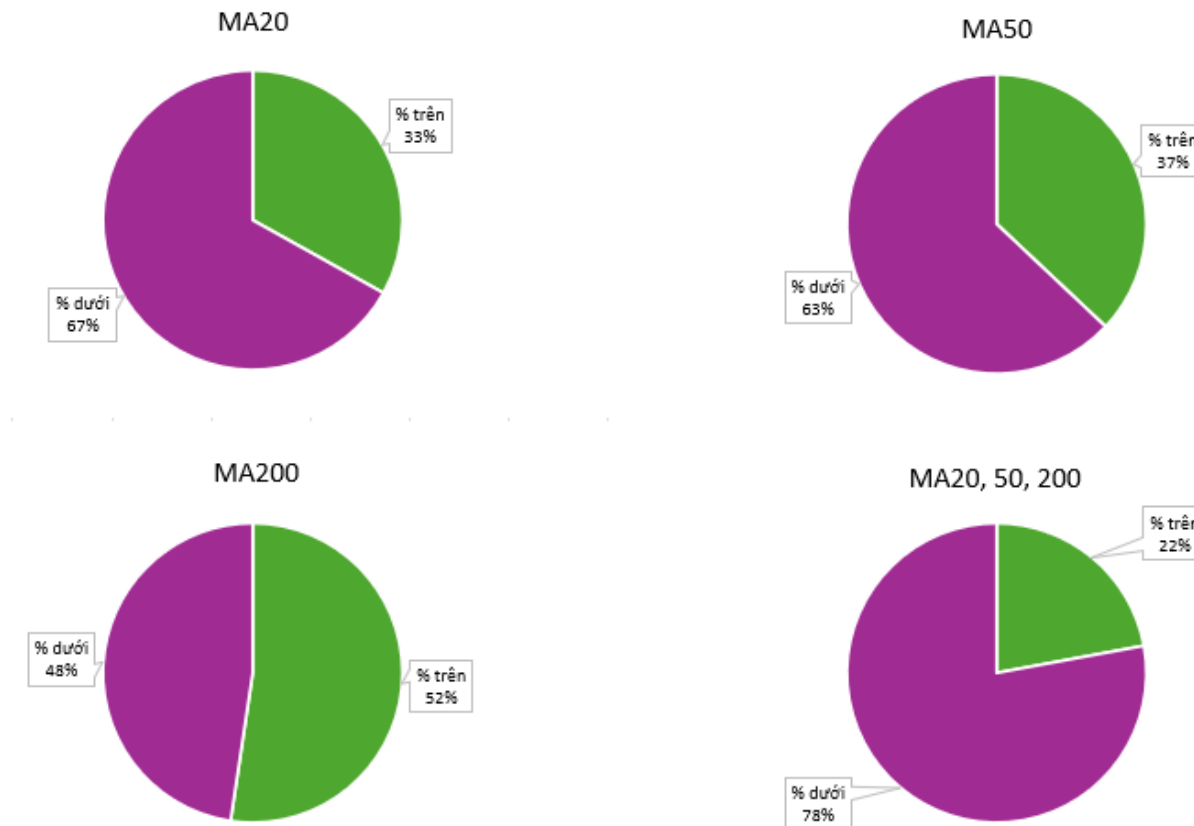
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	174,900	1.2%	830.1	443.3	39,900	172,800	4.7	50.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	49,500	3.6%	171.0	152.4	24,963	48,400	3.6	14.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	32,100	7.0%	556.0	180.9	16,100	31,300	1.7	16.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TAL	48,600	1.3%	100.1	35.6	15,699	48,000	5.1	20.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LSG	33,400	7.1%	27.3	5.9	8,400	31,200	2.7	-100.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TNI	6,000	6.0%	5.6	3.1	1,780	5,660	0.6	-15.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SGR	23,850	-6.8%	19.2	12.3	24,150	44,000	1.2	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HAX	12,150	-2.8%	9.7	17.2	12,450	17,600	1.2	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DPM	25,100	-3.5%	295.4	105.7	15,411	28,800	1.5	26.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SCS	62,000	2.3%	45.4	18.9	49,995	81,099	4.4	8.9	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	32,100	7.0%	556.0	180.9	16,100	31,300	1.7	16.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			30/9/2025	29/09/2025	26/09/2025	25/09/2025	24/09/2025	23/09/2025	22/09/2025	19/09/2025	18/09/2025	17/09/2025	16/09/2025	15/09/2025	12/09/2025	11/09/2025	10/09/2025
VNINDEX	MA200	Trên	63%	65%	66%	67%	67%	65%	66%	68%	68%	69%	70%	69%	67%	65%	65%
		Dưới	37%	35%	34%	33%	33%	35%	34%	32%	32%	31%	30%	31%	33%	35%	35%
	MA50	Trên	40%	46%	50%	51%	50%	47%	48%	54%	55%	59%	61%	64%	56%	52%	50%
		Dưới	60%	54%	50%	49%	50%	53%	52%	46%	45%	41%	39%	36%	44%	48%	50%
	MA20	Trên	27%	33%	38%	43%	38%	35%	35%	45%	45%	49%	52%	55%	40%	34%	29%
		Dưới	73%	67%	62%	57%	62%	65%	65%	55%	55%	51%	48%	45%	60%	66%	71%
VN30	MA200	Trên	77%	77%	80%	80%	77%	77%	80%	83%	83%	83%	83%	87%	80%	80%	80%
		Dưới	23%	23%	20%	20%	23%	23%	20%	17%	17%	17%	17%	13%	20%	20%	20%
	MA50	Trên	50%	57%	60%	63%	67%	60%	57%	67%	77%	80%	80%	77%	73%	73%	70%
		Dưới	50%	43%	40%	37%	33%	40%	43%	33%	23%	20%	20%	23%	27%	27%	30%
	MA20	Trên	27%	17%	13%	17%	20%	20%	10%	30%	47%	53%	63%	60%	47%	43%	33%
		Dưới	73%	83%	87%	83%	80%	80%	90%	70%	53%	47%	37%	40%	53%	57%	67%
HNX	MA200	Trên	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%	59%	58%
		Dưới	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%	41%	42%
	MA50	Trên	40%	40%	42%	47%	43%	42%	44%	49%	51%	51%	52%	56%	53%	50%	49%
		Dưới	60%	60%	58%	53%	57%	58%	56%	51%	49%	49%	48%	44%	47%	50%	51%
	MA20	Trên	57%	57%	57%	59%	59%	59%	59%	60%	61%	62%	62%	62%	59%	59%	58%
		Dưới	43%	43%	43%	41%	41%	41%	41%	40%	39%	38%	38%	38%	41%	41%	42%
UPCOM	MA200	Trên	34%	35%	36%	34%	32%	31%	32%	36%	34%	35%	36%	38%	35%	30%	30%
		Dưới	66%	65%	64%	66%	68%	69%	68%	64%	66%	65%	64%	62%	65%	70%	70%
	MA50	Trên	36%	34%	34%	33%	34%	32%	34%	36%	36%	37%	38%	39%	39%	36%	38%
		Dưới	64%	66%	66%	67%	66%	68%	66%	64%	64%	63%	62%	61%	61%	64%	62%
	MA20	Trên	46%	45%	46%	46%	46%	45%	46%	47%	46%	46%	47%	48%	46%	46%	47%
		Dưới	54%	55%	54%	54%	54%	55%	54%	53%	54%	54%	53%	52%	54%	54%	53%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 9																			
		30 +	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08	05	04	03
📈	1 Bất động sản	68	69	72	70	67	65	63	63	64	67	72	71	73	72	73	75	78	84	85	84
📈	2 Xây dựng và Vật liệu	66	70	75	74	67	61	60	55	55	56	65	62	57	55	55	57	63	68	69	65
📈	3 Tài nguyên Cơ bản	64	68	71	73	72	69	69	69	70	72	73	71	66	65	66	67	66	72	70	60
📈	4 Y tế	63	66	67	70	67	62	60	60	61	62	64	62	56	54	49	50	51	49	47	43
5	Ngân hàng	58	57	63	64	61	54	54	67	70	72	74	73	76	77	76	77	78	87	89	88
6	Bảo hiểm	54	52	50	44	43	44	47	50	53	56	58	59	67	65	64	70	75	80	81	81
7	Thực phẩm và đồ uống...	52	52	59	60	59	56	58	60	62	65	67	63	61	59	58	59	61	68	68	67
📉	8 Điện, nước & xăng dầu...	50	52	55	56	54	57	56	57	55	56	57	50	52	48	49	50	53	56	53	52
9	Dịch vụ tài chính	48	48	60	61	57	51	54	60	62	64	65	67	68	69	70	70	72	82	84	84
📉	10 Hàng & Dịch vụ Công...	45	43	52	51	48	47	48	49	49	50	53	53	50	50	50	52	55	58	58	55
📉	11 Du lịch và Giải trí	45	43	44	44	44	46	46	51	45	48	47	49	45	45	48	45	43	46	46	49
12	Dầu khí	44	48	51	49	46	43	42	46	53	56	52	51	55	51	50	48	57	65	63	58
📉	13 Bán lẻ	40	43	51	55	51	47	54	50	55	59	58	54	47	45	45	45	48	52	53	52
📉	14 Hóa chất	40	43	48	49	44	43	42	43	46	48	52	48	42	38	38	39	43	48	47	47
📉	15 Ô tô và phụ tùng	40	42	48	49	47	45	46	50	51	52	57	52	51	47	49	49	52	57	57	52
📉	16 Công nghệ Thông tin	35	36	46	52	50	51	54	58	61	58	50	44	40	35	39	44	48	52	54	48
📉	17 Hàng cá nhân & Gia ...	32	35	40	41	45	47	57	55	56	60	64	56	48	46	47	48	51	60	55	51

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	174,900	1.2%	17.2%	673,892	4.7	50.2	3,487	830.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	49,500	3.6%	6.3%	147,870	3.6	14.9	3,324	171.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	32,100	7.0%	13.4%	72,941	1.7	16.6	1,937	556.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEX	55,500	0.2%	5.1%	50,083	3.4	32.0	1,736	379.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEE	127,000	7.0%	16.9%	46,482	6.8	23.6	5,389	276.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSR	23,300	-2.5%	8.9%	25,472	2.1	-32.8	-707	66.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	34,200	4.3%	10.5%	22,528	3.1	22.8	1,503	317.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HAG	16,300	-0.6%	6.9%	20,659	2.1	12.6	1,291	195.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCH	22,150	0.5%	4.5%	19,241	2.1	19.8	1,120	171.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TAL	48,600	1.3%	9.2%	17,496	5.1	20.7	2,345	100.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	73,000	-1.7%	4.4%	17,100	2.0	17.9	4,086	5.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTS	41,500	-0.5%	7.5%	8,827	3.5	22.5	1,846	104.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHS	17,850	-0.8%	7.5%	7,711	0.9	1.8	9,889	81.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	22,550	1.8%	5.1%	2,991	1.1	12.6	1,792	29.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
LSG	33,400	7.1%	25.6%	2,734	2.7	-100.0	-304	27.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLC	29,400	0.0%	2.8%	2,375	1.9	25.3	1,162	14.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DTD	22,000	0.9%	7.3%	1,467	1.2	6.5	3,383	24.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CDC	32,000	-3.9%	16.4%	1,407	2.5	32.7	978	19.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNB	18,800	11.9%	11.2%	1,244	1.1	15.2	1,210	7.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NRC	6,600	3.1%	10.0%	611	0.6	-4.9	-1,353	12.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	55,900	-2.8%	-3.3%	201,309	3.2	20.4	2,751	70.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	47,800	0.0%	-3.8%	3,200	1.1	7.9	6,075	9.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GIL	16,550	-3.5%	-9.1%	1,681	0.7	-33.2	-498	11.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SGR	23,850	-6.8%	-9.8%	1,667	1.2	8.4	2,838	19.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	68,000	-1.9%	-3.3%	208,078	5.6	35.7	1,913	19.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,000	-2.6%	-5.1%	158,426	4.8	18.3	5,092	1,125.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	60,400	-1.8%	-1.9%	145,742	2.2	12.1	5,002	39.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,700	-1.9%	-1.4%	110,800	2.0	20.8	1,331	56.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	45,200	-0.7%	-1.3%	57,972	2.7	14.2	3,185	25.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,200	-1.6%	-1.6%	43,454	1.7	20.6	1,661	55.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	91,800	-2.3%	-4.4%	34,864	2.4	11.2	8,175	165.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	38,500	-2.0%	-4.5%	14,611	2.5	9.7	3,977	100.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,200	-1.4%	-4.2%	13,365	2.8	10.6	5,215	29.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	35,950	-0.8%	-1.2%	12,457	2.9	26.7	1,348	63.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	11,200	-1.8%	-1.8%	11,475	1.1	38.4	289	14.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCS	48,200	-0.8%	-2.8%	7,712	1.5	10.6	4,536	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	6,000	0.0%	-1.6%	6,659	4.2	-5.7	-1,062	18.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TLG	52,700	-0.4%	-0.8%	4,625	1.9	10.5	5,000	7.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSH	34,500	-1.7%	-3.4%	3,882	2.0	7.4	4,666	10.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	31,500	-2.5%	-3.7%	3,481	2.3	14.5	2,174	24.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PTB	47,800	0.00%	-3.82%	71,000	48.5%	6,075	1.1	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	55,700	0.36%	-5.36%	81,700	46.7%	6,444	1.3	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NLG	40,200	-3.83%	3.08%	58,600	45.8%	1,709	1.6	23.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
IDC	38,500	-2.04%	-4.47%	56,100	45.7%	3,977	2.5	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,200	-1.58%	-1.58%	47,800	39.8%	1,661	1.7	20.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	33,800	-1.31%	1.20%	47,100	39.3%	716	2.2	47.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DGC	91,800	-2.34%	-4.38%	126,000	37.3%	8,175	2.4	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,200	-1.43%	-4.17%	73,900	33.9%	5,215	2.8	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	55,900	-2.78%	-3.29%	74,300	32.9%	2,751	3.2	20.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	93,000	-2.62%	-5.10%	121,200	30.3%	5,092	4.8	18.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	128,000	-0.70%	-0.78%	165,300	29.1%	3,163	7.6	40.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SAB	45,200	-0.66%	-1.31%	58,000	28.3%	3,185	2.7	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,800	0.28%	-1.38%	45,800	27.9%	2,940	1.3	12.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PNJ	83,100	-0.48%	-3.90%	105,900	27.4%	6,115	2.4	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,500	-2.82%	-3.09%	43,900	27.2%	1,065	1.8	32.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	32,800	-2.67%	-2.96%	41,600	26.8%	2,644	1.1	12.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	60,400	-1.79%	-1.95%	76,100	26.0%	5,002	2.2	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	20,700	-5.26%	-9.80%	26,000	25.6%	350	1.7	59.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	37,150	-1.46%	0.68%	46,600	25.4%	3,186	1.9	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	28,150	-1.57%	-1.75%	35,300	25.4%	1,750	1.8	16.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn